

QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của

**Quy chế đào tạo trình độ đại học tại Trường Đại học Mở Hà Nội
ban hành kèm theo Quyết định số 4004/QĐ-ĐHM ngày 09/08/2021**

Căn cứ Quyết định số 535-TTg ngày 03/11/1993 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Viện Đại học Mở Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 960/QĐ-TTg ngày 06/08/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Danh sách các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo (Trường Đại học Mở Hà Nội đổi tên từ Viện Đại học Mở Hà Nội);

Căn cứ Nghị quyết số 6068/2020/NQ-ĐHM-HĐT ngày 24/12/2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Mở Hà Nội về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Mở Hà Nội;

Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/03/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Thông tư số 10/2017/TT-BGDĐT ngày 28/04/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo từ xa trình độ đại học;

Theo đề nghị của Trường Phòng Quản lý Đào tạo;

Hiệu trưởng Trường Đại học Mở Hà Nội ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo trình độ đại học tại Trường Đại học Mở Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 4004/QĐ-ĐHM ngày 09/08/2021.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Quy chế đào tạo trình độ đại học tại Trường Đại học Mở Hà Nội

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 5, khoản 6 Điều 3 như sau:

“5. Đối với mỗi hình thức đào tạo, kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa của CTĐT là sự phân bố các học phần theo từng học kỳ, năm học trong khung thời gian thiết kế của CTĐT và đảm bảo giới hạn khối lượng học tập trong từng học kỳ tại điểm c khoản 1 Điều 16 của Quy chế này. Kế hoạch học tập chuẩn của CTĐT được ĐVĐT xây dựng và cung cấp cho sinh viên để định hướng kế hoạch học tập.

Đối với hình thức đào tạo VLVH, thời gian kế hoạch học tập chuẩn của CTĐT dài hơn 20% so với hình thức đào tạo chính quy.

6. Thời gian tối đa và tối thiểu để sinh viên hoàn thành một CTĐT tương ứng bằng 3/2 lần và 3/4 lần thời gian kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa của CTĐT đó.

Đối với sinh viên được xét công nhận và chuyển đổi tín chỉ theo khoản 2 Điều này, thời gian tối đa và tối thiểu để sinh viên hoàn thành một CTĐT tùy thuộc vào khối lượng phải học tập thực tế và đảm bảo giới hạn khối lượng học tập trong từng học kỳ tại điểm c khoản 1 Điều 16 của Quy chế này. Việc xác định thời gian học tập tối đa (ký

hiệu là T_{max}) và tối thiểu (ký hiệu là T_{min}) đối với một sinh viên cho một CTĐT được thực hiện theo công thức sau và làm tròn đến tháng:

	Thời gian tối thiểu (T_{min})	Thời gian tối đa ($T_{max} = 2 \times T_{min}$)
ĐHCQ, ĐTTX =	$\frac{3}{4} \times A \times \frac{Y}{X}$	$\frac{3}{2} \times A \times \frac{Y}{X}$
VLVH =	$\frac{9}{10} \times A \times \frac{Y}{X}$	$\frac{9}{5} \times A \times \frac{Y}{X}$

Trong đó,

A là thời gian kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa của CTĐT (tính theo năm),

X là tổng khối lượng tín chỉ thiết kế của CTĐT cần phải hoàn thành để cấp bằng,

Y là khối lượng tín chỉ phải học tập thực tế của sinh viên sau khi trừ đi khối lượng tín chỉ đã được công nhận chuyển đổi theo khoản 2 Điều này.

Trường hợp sinh viên được tuyển sinh từ năm học 2020-2021 trở về trước thì áp dụng thời gian tối đa là 02 (hai) lần thời gian thiết kế của CTĐT (T_{max} được nhân thêm hệ số 4/3) và thời gian kế hoạch học tập chuẩn đối với hình thức VLVH như hình thức CQ.”

2. Bổ sung điểm f khoản 2 Điều 5 như sau:

“f) Tích cực bồi dưỡng và tham gia hoàn thành các khóa tập huấn về phương pháp và kỹ năng sử dụng công nghệ để nâng cao năng lực khi tham gia giảng dạy trực tuyến.”

3. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 3 Điều 5 như sau:

“a) Các ĐVĐT chịu trách nhiệm quản lý, hướng dẫn và hỗ trợ sinh viên trong quá trình học tập và rèn luyện, lập kế hoạch đào tạo, tổ chức và quản lý các hoạt động giảng dạy và học tập, tổ chức kiểm tra đánh giá các hoạt động giảng dạy và học tập, các hoạt động được quy định trong Quy chế này và các hoạt động có liên quan khác. Các ĐVĐT theo hình thức VLVH, ĐTTX phối hợp chặt chẽ với đơn vị nơi đặt trạm ĐTTX hoặc liên kết VLVH quy định tại Điều 6 để thực hiện các hoạt động liên quan khác. ĐVĐT có trách nhiệm lưu trữ các tài liệu, minh chứng liên quan đến quá trình tổ chức đào tạo, quản lý sinh viên theo quy định.”

4. Bổ sung điểm f khoản 2 Điều 7 như sau:

“f) Các điều kiện quy định tại điểm a, b, c khoản này được thể hiện trong Biên bản các điều kiện đảm bảo chất lượng, cần được duy trì trong thời gian tối thiểu 01 khoá học. Trường hợp ĐVLK thay đổi địa điểm cần có công văn gửi Trường Đại học Mở Hà Nội trước ít nhất 03 tháng để Trường tiến hành thủ tục rà soát/kiểm tra điều kiện đảm bảo chất lượng.”

5. Bổ sung điểm d khoản 2 Điều 8 như sau:

“d) Các điều kiện quy định tại điểm a, b Khoản này được thể hiện trong Biên bản các điều kiện đảm bảo chất lượng, cần được duy trì trong thời gian tối thiểu 01 khoá học. Trường hợp Trạm thay đổi địa điểm cần có công văn gửi Trường Đại học Mở Hà Nội (trước ít nhất 03 tháng) để Trường tiến hành thủ tục rà soát/kiểm tra điều kiện đảm bảo chất lượng.”

6. Bổ sung khoản 6 Điều 8 như sau:

“6. Trình tự giải quyết thủ tục thôi đặt Trạm:

- Thông báo cho đơn vị nơi đặt Trạm (đối với trường hợp thôi đặt trạm theo quy định tại điểm b, c khoản 5 Điều này);

- Giải quyết đảm bảo quyền lợi cho sinh viên đang học (chuyển sang Trạm ĐTTX khác hoặc chuyển về khu giảng đường của Trường theo nguyện vọng của sinh viên và điều kiện đảm bảo chất lượng);

- Thanh lý hợp đồng phối hợp đặt Trạm;

- Ra quyết định thôi đặt Trạm.”

7. Bãi bỏ Chương III

Công tác tuyển sinh đại học thực hiện theo Quy chế tuyển sinh trình độ đại học tại Trường Đại học Mở Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 5005/QĐ-ĐHM ngày 29/12/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mở Hà Nội.

8. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 14 như sau:

“b) Năm học được bắt đầu từ giữa tháng 8 hàng năm. Một năm học có hai học kỳ chính gồm học kỳ 1 (HK1), học kỳ 2 (HK2) và một học kỳ phụ (HK3). Mỗi học kỳ chính có 19 tuần gồm học và thi, học kỳ phụ có 12 tuần gồm học và thi. Học kỳ chính chủ yếu để tổ chức đào tạo các học phần theo kế hoạch học tập chuẩn; học kỳ phụ dành cho sinh viên có nguyện vọng học cải thiện điểm hoặc học vượt và bắt buộc đối với sinh viên đang nợ môn hoặc chậm tiến độ so với kế hoạch học tập chuẩn của CTĐT.”

9. Bổ sung khoản 5 Điều 14 như sau:

“5. Các ĐVĐT thực hiện đúng, đầy đủ việc khai thác, sử dụng học liệu và tham gia vào quá trình biên soạn, nâng cấp, cập nhật học liệu theo quy định.”

10. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 16 như sau:

“b) Trước khi bắt đầu mỗi học kỳ/đợt học, tùy theo khả năng và điều kiện học tập của bản thân, sinh viên phải đăng ký học các học phần theo lịch dự kiến mở trong học kỳ/đợt học. Trường hợp cần thiết sinh viên có thể xin ý kiến tư vấn của cố vấn học tập. Căn cứ kế hoạch đã thông báo, Trưởng ĐVĐT có thể triển khai đăng ký mẫu cho sinh viên vào các lớp học phần, sau đó sinh viên được quyền xem xét, thay đổi nhưng không làm ảnh hưởng đến yêu cầu tối đa, tối thiểu quy định tại điểm c của khoản này và các bắt buộc phải học trong học kỳ, trừ trường hợp có lý do chính đáng. Hình thức đăng ký học tập có thể thông qua phần mềm quản lý đào tạo của Trường;”

11. Bổ sung khoản 5 Điều 18 như sau:

“5. Trưởng ĐVĐT có trách nhiệm tổ chức dạy học đảm bảo thời lượng theo yêu

cầu của CTĐT và phù hợp với phương thức, phương pháp dạy học. Việc tham gia các hoạt động giảng dạy và hướng dẫn của giảng viên, học tập của sinh viên trong quá dạy học phải được giám sát và ghi nhận thông qua hệ thống kỹ thuật hỗ trợ hoặc các hồ sơ theo dõi dạy học bằng các hình thức phù hợp với phương thức, phương pháp dạy học. Các hoạt động học tập được ghi nhận để đánh giá khối lượng và chất lượng kết quả quá trình học tập của sinh viên, do giảng viên quyết định, bao gồm điểm danh, xác thực người học, nhật ký học tập, làm bài tập, tương tác, trao đổi trực tiếp trên lớp hoặc trên hệ thống học tập trực tuyến, hệ thống thư viện và các thông tin phù hợp khác.”

12. Bổ sung khoản 6 Điều 20 như sau:

“6. Sinh viên được cộng điểm khuyến khích vào điểm tổng kết học phần theo quy định về Quản lý hoạt động khoa học và công nghệ của Trường. Điểm học phần sau khi cộng điểm khuyến khích thì tối đa là 10 điểm (theo thang điểm 10) và thực hiện quy đổi theo quy định tại khoản 4 Điều này.”

13. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 20 như sau:

“a) Các ĐVĐT thành lập các điểm thi và có trách nhiệm tổ chức thực hiện nhiệm vụ coi thi đảm bảo đúng quy định, trung thực, công bằng và khách quan; Các điểm thi được thành lập theo từng đợt thi và địa điểm tổ chức thi, địa điểm tổ chức thi là khu giảng đường của Trường. Đối với hình thức đào tạo VLVH, ĐTTX có thể tổ chức thi tại địa phương nơi đặt Trạm/ĐVLK;

b) ĐVĐT gửi kế hoạch thi về Phòng KTCL trước ngày thi chậm nhất là 15 (mười lăm) ngày làm việc để làm căn cứ tổ chức thi kết thúc học phần. Mẫu Kế hoạch thi kết thúc học phần được quy định tại Phụ lục 21.1; Phòng KTCL chịu trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu để đảm bảo ở mỗi đợt thi tại một địa điểm có không quá một điểm thi thực hiện nhiệm vụ. Trường hợp có nhiều ĐVĐT cùng tổ chức thi một đợt tại cùng một địa điểm, các ĐVĐT phối hợp tổ chức một điểm thi chung. Mỗi đợt thi có thể có nhiều điểm thi, tại mỗi điểm thi có lãnh đạo điểm thi và các thành viên khác theo quy định tổ chức thi hiện hành;

c) Trường ĐVĐT lập danh sách sinh viên dự thi kết thúc học phần có kết quả của các điểm thành phần và ghi rõ tình trạng nợ học phí (nếu có) của từng sinh viên theo mẫu quy định tại Phụ lục 21.2; bàn giao danh sách thi, các tài liệu và cơ sở vật chất khác cho lãnh đạo điểm thi để thực hiện;

d) Các ĐVĐT và các đơn vị liên quan có trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác thi kết thúc học phần theo kế hoạch, đảm bảo đúng quy định hiện hành;

đ) Quá trình tổ chức coi thi, xử lý bài thi, chấm bài, lên điểm và phúc tra được thực hiện theo quy chế thi hiện hành của Bộ GDĐT; Phòng KTCL chịu trách nhiệm đầu mối tổ chức xây dựng quy trình tổ chức thi. Quy trình này được thể hiện tại Phụ lục 21.3; có thể được chỉnh sửa cập nhật để đảm bảo yêu cầu quy chế thi và phù hợp với thực tiễn hoạt động của Trường.”

14. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 5 Điều 27 như sau:

“b) Căn cứ các điều kiện quy định tại Quy chế này, Hội đồng xét CNKQHT tổ chức thực hiện và lập danh sách những sinh viên được học tiếp, sinh viên bảo lưu/nghi

học tạm thời, sinh viên chuyên trường, sinh viên chuyển ngành, sinh viên bị cảnh báo, sinh viên bị buộc thôi học, sinh viên bị xóa tên, sinh viên đủ điều kiện học cùng lúc hai chương trình, sinh viên hoàn thành CTĐT để trình Hiệu trưởng quyết định;

Quy trình xét CNKQHT được thực hiện theo Phụ lục 27.1;

- Kết quả xét CNKQHT của các học kỳ là căn cứ để xét công nhận tốt nghiệp cho sinh viên đủ điều kiện; là căn cứ đánh giá kết quả đào tạo theo học kỳ và hàng năm của từng ĐVĐT và của toàn Trường.

- Khi xét CNKQHT cấp đơn vị, Trường ĐVĐT có trách nhiệm tổ chức việc thông tin, trao đổi với sinh viên/phụ huynh SV thuộc diện xem xét CBKLHT, CBKQHT, buộc thôi học biết (có minh chứng lưu lại) và xem xét, tham mưu Hội đồng xét CNKQHT quyết định đối với các trường hợp có đơn với lý do chính đáng.”

15. Sửa đổi điểm a khoản 1 Điều 32 như sau:

“a) Sinh viên được xem xét chuyển trường khi có đủ các điều kiện sau đây:

- Không đang là sinh viên trình độ năm thứ nhất hoặc năm cuối khóa, không thuộc diện bị xem xét buộc thôi học, không đang trong thời gian bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên và còn đủ thời gian học tập theo quy định tại khoản 6 Điều 3 của Quy chế này;

- Sinh viên đạt điều kiện trúng tuyển của chương trình, ngành đào tạo và hình thức đào tạo cùng khóa tuyển sinh tại nơi chuyển đến;

- Nơi chuyển đến có đủ các điều kiện đảm bảo chất lượng, chưa vượt quá năng lực đào tạo đối với chương trình, ngành đào tạo và hình thức đào tạo của nơi chuyển đến theo quy định hiện hành của Bộ GDĐT;

- Trong thời gian học tập, nếu gia đình chuyển nơi cư trú hoặc sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, cần thiết phải chuyển đến trường gần nơi cư trú của gia đình để thuận lợi trong học tập;

- Được sự đồng ý của Hiệu trưởng trường xin chuyển đi và trường xin chuyển đến.”

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

Trưởng Phòng Quản lý Đào tạo, các Trưởng đơn vị thuộc Trường Đại học Mở Hà Nội, các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các PHT;
- Lưu: VT, QLĐT.

HIỆU TRƯỞNG 



Nguyễn Thị Nhung